

DỊCH BỆNH VÀ CÁCH PHÒNG CHỐNG CỦA NGƯỜI TÂY NGUYÊN (NGHIÊN CỨU MỘT SỐ BỘ LUẬT TỤC)

NGUYỄN VĂN KIM *

Dịch bệnh từng gây ra những thảm họa lớn trong lịch sử nhân loại. Ở châu Âu cũng như châu Á, châu Phi,... nhiều trận đại dịch đã xảy ra và từng cướp đi sinh mạng của hàng trăm triệu người (1). Dịch bệnh cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự tàn phá nhiều nền kinh tế và trung tâm văn hóa, văn minh thế giới. Ở châu Âu, trong nhiều thế kỷ, bệnh dịch hạch (*plague*) từng được coi là “cái chết đen”, là nỗi ám ảnh của nhiều quốc gia (2). Ở châu Á và Việt Nam, tình trạng dịch bệnh đã nhiều lần được đặt ra như những thách thức xã hội, chính trị nghiêm trọng (3).

Trong kho tàng văn hóa của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, luật tục được coi là di sản, nguồn tài nguyên tri thức, nguồn sử liệu quý giá để hiểu về các xã hội truyền thống, trong đó có vấn đề sức khỏe cộng đồng (4). Luật tục là những quy ước của một cộng đồng xã hội, được toàn thể các thành viên trong cộng đồng định ra và tuân thủ. Trải qua nhiều thế hệ, luật tục không ngừng được đúc kết, bổ sung theo yêu cầu của đời sống để quản lý, kiểm soát, điều chỉnh hành vi của cộng đồng xã hội. Nhiều bộ luật tục của đồng bào Tây Nguyên có sức bao quát rộng lớn, đề cập đến hầu hết

các lĩnh vực của đời sống từ cách thức tổ chức, quản lý xã hội, đất đai; phương cách sản xuất, hoạt động kinh tế; quan hệ cộng đồng, gia đình, nam nữ; cách thức thực hành các nghi lễ, phong tục, và cả những quy định nghiêm ngặt của cộng đồng để bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Dựa trên việc khảo cứu 5 bộ luật tục của đồng bào Bahnar, Êđê, Jrai, M'nông, Raglai và một số nguồn tư liệu liên quan, bài viết muốn làm rõ nhận thức của người Tây Nguyên xưa về dịch bệnh, tính chất nguy hiểm của các loại bệnh truyền nhiễm, biện pháp phòng chống và những cách thức mà đồng bào đã ứng đối, vượt qua thách thức hiểm nguy để bảo vệ cuộc sống, duy trì sự bình yên cho toàn thể cộng đồng.

1. Nguyên nhân dẫn đến dịch bệnh

Sinh sống ở vùng Cao Nguyên, xứ sở nhiệt đới, khô nóng và mưa nhiều, từ xưa cùng với việc phải thường xuyên chống chọi với tình trạng hạn hán, lũ lụt,... đồng bào Tây Nguyên cũng phải đối diện với dịch bệnh. Theo Luật tục Êđê “Những năm thiên tai, hạn hán, vào mùa khô, khi trời gắt nắng, bệnh tật thường lan khắp dân làng, ở khắp mọi nơi trên mọi nẻo đường, từ làng gần đến làng xa, trên toàn xứ” (5). Thông thường, những năm nắng nóng kéo

*GS.TS. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

dài (khoảng từ tháng 3 đến tháng 5 hàng năm), khi thời tiết có nhiều biểu hiện bất thường, dịch bệnh thường diễn ra. Trong quan niệm của người Êđê và nhiều tộc người Tây Nguyên, các vị thần linh (như thần *Aê Du*, *Aê Diê*) (6)... thường gieo rắc tai họa. Đồng bào tin rằng, sở dĩ có dịch bệnh là do (cá nhân, cộng đồng) bị thần linh quả trách, trừng phạt vì tội thiếu hiểu biết hay mắc sai phạm nghiêm trọng. Theo đó: “Hắn là kẻ đã bị thần làm, trời làm cho đau ốm, thế mà hắn không chịu xem nhà hắn có tang, hắn không chịu kiêng cử. Hắn làm như con voi của thần Cá sấu đến cọ mình vào cây *keik*, như con voi của thần Cá sấu đến cọ mình vào cây *kpang* (7), hắn muốn truyền bệnh cho dân làng của người tù trưởng nhà giàu. Thế là vì hắn mà cả trăm người chết, cả nghìn người đã ngã xuống, chết cả những tay cuốc, tay chà gạc giỏi giang; chết cả những người có tài, tháo vát, khỏe mạnh” (8).

Hiểu rõ quy luật vận động và tác động của thế giới tự nhiên, đồng bào Tây Nguyên cũng xác định khá rõ mùa dịch, các loại dịch bệnh thường diễn ra khiến nhiều người đau ốm. Thực tế là, trong các buôn làng: “có người mắc đậu mùa, có người nhiễm thủy đậu, lại có người đau cẳng, đau chân, chăm sóc chẳng khỏi, thuốc men cũng không lành bệnh” (9). Từ những mô tả bệnh lý trong luật tục kết hợp với tham khảo một số nguồn tư liệu nhân học, y học hiện đại, có thể thấy người Tây Nguyên xưa từng phải đối diện với nhiều loại bệnh truyền nhiễm như: bệnh đậu mùa (*smallpox*), thủy đậu (*varicella*), bạch hầu (*diphthera*), bệnh bại liệt (*poliomyelitis*), các bệnh về tiêu hóa: bệnh tả (*cholera*), kiết lỵ (*shigela*, *salmonella*), hay xương khớp (thấp khớp, viêm khớp) (10),...

Cùng với nguyên nhân do thời tiết, khí hậu (trời, thần linh) nói trên, trong suy nghĩ của đồng bào, nguyên nhân dẫn đến dịch bệnh còn là do một hay một số người trong buôn làng bị bệnh nhưng thiếu ý thức bảo vệ cộng đồng, không phòng chống, khai báo, chữa trị kịp thời nên đã để lây truyền ra người khác. Như nhiều bộ luật tục đã chỉ ra, tình trạng dịch bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như: bệnh tả, đậu mùa, bệnh phong (*hansen*) (11),... còn là do từ các buôn làng bị dịch truyền đến hoặc do tác nhân từ môi trường sống, rừng đầu nguồn bị phá, nguồn nước bị ô nhiễm khiến cho cư dân mắc bệnh.

Luật tục Êđê chỉ rõ nguyên nhân gây bệnh: “Hắn tha bệnh đi khắp làng tây, xóm đông. Hắn tìm cách làm cho con cái tù trưởng nhà giàu mắc phải. Hắn truyền cho người ta bệnh đậu mùa, làm cho bệnh lở loét lan ra, làm cho con cái người ta phải tắm hết thuốc đắng này đến thuốc chua khác” (12). Trong quy định của người Êđê, Bahnar và nhiều tộc người Tây Nguyên khác, bảo vệ nguồn nước, môi trường sống là yếu tố sống còn. Khi có người trong buôn làng qua đời, tuyệt đối không được đưa thi hài người chết qua sông, qua suối. Bởi nếu làm như vậy, “Nước sông bị ô uế, Thần sông sẽ giận. Nước suối bị ô uế, Thần suối sẽ oán. Chôn người chết không được đi qua nhà. Chôn người chết không được vượt qua làng. Làng sẽ bị ô uế, làng sẽ bị dịch bệnh. Làng sẽ bị giáng họa, làng sẽ bị tai vạ. Trẻ con đói, người già bệnh. Nuôi trâu bò không đẻ; trồng lúa, trồng bắp không lên” (13). Như vậy, theo quan niệm của người Tây Nguyên, căn nguyên dẫn đến dịch bệnh là do yếu tố thần linh (trừng phạt), ô nhiễm môi trường và tác nhân con người đã vô tình hay hữu ý làm lây truyền bệnh.

2. Các loại dịch bệnh và mức độ nguy hiểm

Qua khảo cứu các bộ luật tục ta thấy, những bệnh phổ biến ở vùng Cao nguyên xưa là bệnh đậu mùa, thủy đậu, bệnh tả và bệnh phong (14). Cũng như nhiều tộc người Tây Nguyên, đồng bào Jrai rất lo sợ bị lây bệnh phong (cùi, hủi) và đậu mùa. Các bệnh đó có thể khiến cho người ta “không còn có một gia đình, không thể có con hàng trăm, cháu hàng ngàn”. Bởi thế, nếu như bị dịch bệnh tràn đến buôn làng thì các gia đình không thể có cuộc sống yên bình. Thực tế cho thấy, do chịu di chứng của dịch bệnh mà nhiều người bị mắc tình trạng vô sinh, tuyệt tự: “Nó không thể sinh đẻ. Không thể có con đàn. Không thể có cháu đông” (15).

Theo nhiều bộ Luật tục, dịch bệnh có thể gây hại không chỉ với một thế hệ những người trong gia đình, họ tộc. Diễn tả về mức độ nguy hiểm của dịch bệnh, Luật tục Jrai so sánh: “Tre *alê*, tre *pơô*, có mắt, nó làm gãy hết. Các ngón tay, nó làm bị thương tổn hết. Cây có lá, nó làm thối, rụng. Cây có mầm, nó tách khỏi cây. Cây lớn lên, sinh sôi, nó cắt trụi ngọn” (16). Mặc dù nội dung luật tục không chỉ rõ tên gọi của căn bệnh nguy hiểm đó nhưng qua những mô tả, có thể khẳng định đó là bệnh phong. Một căn bệnh mà người Tây Nguyên khiếp sợ nhất (17). Trong quan niệm của đồng bào, một số dịch bệnh không chỉ dẫn đến tình trạng vô sinh, làm hỏng thai nhi mà còn có thể tàn hủy cả một cộng đồng dân tộc: “Trẻ nhà giàu đến tuổi dậy thì. Nó dắt đi quanh đồng lúa. Nó dắt đi quanh bếp tro. Nó làm cho các dòng họ diệt vong!” (18). Một số bệnh dịch như: dịch hạch, bạch hầu, đậu mùa, bệnh tả, cúm... có thể khiến cho nhiều gia đình phải chịu thảm họa “diệt vong” đó!

Nghiên cứu về dịch bệnh, chúng ta phải chú ý đến nhận thức của đồng bào về mức

độ nguy hiểm của một số bệnh truyền nhiễm cùng những tác động tiêu cực (trước mắt, lâu dài) của những căn bệnh đó đối với thể chất, tâm lý của những người mắc bệnh trong cộng đồng và cả những người ngoài cộng đồng. Luật tục M'Nông lên án người đã mang mầm bệnh truyền đến bon làng và coi đó là một loại tội ác khiến nhiều thế hệ không thể đền bù, xóa bỏ: “Vì nó mang bệnh truyền nhiễm. Nên bon làng phải bị chết dịch. Nên bon làng phải bị chết toi. Nên bon làng phải chết nhiều. Nó đâu có đền mỗi bon. Nó đâu có đền mỗi làng. Đến đời con đền cũng không xong. Đến đời cháu đền cũng không xong!” (19). Có thể gọi tên sai phạm đó là “món nợ truyền kiếp” mà cộng đồng bon làng không thể tha thứ.

Đồng bào Êđê cho rằng, dịch bệnh dẫn đến những tổn thương xã hội, tổn thương sức khỏe sinh sản nghiêm trọng: “Rồi đây, người ta không còn sinh được những đứa con gái, không còn đẻ được những đứa con trai, người ta không còn sinh sôi hàng trăm, hàng ngàn để giữ lấy giống nòi, ấy là vì bệnh đậu mùa, bệnh lở loét mà hấn đã làm lan rộng ra” (20). Và cũng vì nguyên nhân dịch bệnh mà: “Họ hàng không sinh sôi, cây thuốc lá không đâm chồi, giống nòi không đông đúc, ấy là vì hấn (người truyền bệnh). Cây le, cây lồ ô đang trổ ngọn, hấn đem chặt phất. Con cái nhà giàu tù trưởng phải sinh sôi này nọ, ấy thế mà hấn tìm cách làm tuyệt nòi. Như vậy là hấn có tội, có chuyện phải xét xử giữa người ta và hấn” (21).

Do bị mắc dịch bệnh, như mô tả trong Luật tục Êđê, mà không ít người bị tử vong bất ngờ: “Có người đang ngủ mà phát bệnh, có người vừa ăn xong lăn ra chết, đàn ông có, đàn bà cũng có. Có nhiều người bị cảm, ho hoặc đau bụng, nôn mửa, tháo dạ rồi chết. Tất cả các bệnh có thể lan rộng, lây đến các làng khác” (22). Những căn bệnh đó (bệnh tả?) có thể gây nên hậu quả nặng

nề cho cả một vùng rộng lớn (23). Vì dịch bệnh mà xã hội trở nên buồn thảm, tang tóc. Trong xã hội đó: “Thú không đến, bầy không sập. Lúa trên rẫy bị chim ăn. Bắp trên nương bị thú phá. Họ ủ rũ như tàu lá chuối. Họ mệt mỏi như con khỉ bị đuổi. Người mệt mỏi, chán chường. Cơm không ngon, nước không trôi. Họ ốm đau, chết chóc. Làng bị tang ma, chia ly. Nền làng thiếu cơm, khát nước” (24).

Qua nghiên cứu các bộ Luật tục chúng ta thấy, cùng với các bệnh ngoài da, có thể lây nhiễm như: ghẻ, lở, mụn cóc,... nổi bật khoản lớn nhất của đồng bào Tây Nguyên là các bệnh truyền nhiễm như: bệnh phong, dịch hạch, đậu mùa, bạch hầu, bệnh tả. Trong lịch sử, cùng với nguyên nhân chiến tranh (thường do tranh chấp nguồn nước, đất đai,...), môi trường sống bị hủy hoại, nguồn cung cấp thực phẩm bị suy kiệt, tình trạng hỏa hoạn,... và nếu dịch bệnh thường xuyên diễn ra người ta có thể phải di chuyển buôn làng đến một địa điểm mới. Luật tục Bahnar xác định rõ nguyên nhân khiến một cộng đồng cư dân phải dời làng: “Làng đã bị thần dữ trút giận. Làng đã bị thần ác trút oán. Cá tôm chết trong suối. Trâu bò chết ngoài bãi. Cây bắp chết yếu, cây lúa chết khô. Trẻ con đói, người già ốm. Dịch tả đầy nhà, chết chóc đầy nơi. Làng cúng năm con bò chưa đủ. Làng cúng mười con trâu chưa xong. Đất không còn tốt, suối không còn trong. Làng phải dời đi mà tìm đất khác dựng nhà. Làng phải dời đi mà tìm rừng khác làm rẫy” (25). Dời làng là một quyết định lớn, có thể dẫn đến sự hưng vong của một cộng đồng.

Trong quy ước của nhiều tộc người Tây Nguyên, ví như người Bahnar, những người đang mắc bệnh tâm thần, không kiểm soát được hành vi, người mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh ngoài da,... thường

không được cộng đồng cho phép kết hôn (26). Người ta lo ngại rằng, những người bị bệnh di truyền, truyền nhiễm không chỉ làm tổn thương sức khỏe, hạnh phúc gia đình mà còn khiến cho nhiều thành viên trong gia tộc của người kết hôn bị nhiễm bệnh, thậm chí gây nên di hại đến nhiều đời con cháu!

3. Các biện pháp phòng chống dịch bệnh

Biện pháp trình báo kịp thời, phản ánh đúng tình hình dịch bệnh: Trong cuộc sống cộng đồng, theo quy định, nếu phát hiện thấy dịch bệnh thì các thành viên có trách nhiệm phải lập tức trình báo cho những người đứng đầu buôn làng. Luật tục Êđê xác định rõ: “Nếu không một ai, đàn bà hay đàn ông, chạy đi báo cho cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, báo cho kẻ trông coi những người em, người cháu, dân làng (như vậy thì khác nào) họ đem trần, đem rấn bỏ vào nhà người ta, khác nào kẻ thấy dân làng khỏe mạnh sinh ra ganh ghét. Hễ có chuyện này, chuyện nọ, nhất là những chuyện hiểm nguy thì bao giờ cũng phải cho người đi báo với người đầu làng” (27). Và nếu, cứ “im thin thít, ngậm tằm”, có chuyện này chuyện nọ trong buôn làng mà cố tình giấu kín, không khai báo thì sai phạm đó phải bị đưa ra buôn làng để xét xử.

Luật tục của người M’nông cũng khẳng định, một người bị bệnh truyền nhiễm thì có thể lây sang cả bon. Khi có bệnh truyền nhiễm phải lập tức thông báo cho những người có trách nhiệm trong bon, tuyệt đối không được giấu bệnh. Theo đó: “Giấu bệnh truyền nhiễm như giấu ma lai. Giấu nô lệ bị người ta chửi. Giấu ma lai làm hại cả bon. Giấu bệnh truyền nhiễm làm hại cả bon. Bon làng đang sống khỏe mạnh. Bon làng đang sống làm rẫy. Bon làng đang lo kiếm ăn. Nó đầu độc bằng bệnh truyền nhiễm. Nó giết dân bằng bệnh truyền

nh nhiễm” (28). Người ta coi hành vi giấu bệnh rồi truyền bệnh sang người khác ngang với tội đánh lén, giết lén, đầu độc,... dẫn đến những cái chết oan uổng. Đó là trọng tội, phải bị nghiêm trị.

Biện pháp giãn cách, cách ly xã hội: Các bộ Luật tục, đặc biệt là Luật tục Êđê đã đề ra một số biện pháp để chống dịch mà một trong những biện pháp cơ bản nhất là “giãn cách” và “cách ly xã hội”. Theo đó, những người bị các bệnh như: dịch hạch, dịch tả, đậu mùa, thủy đậu,... từ buôn làng mình không được đến buôn làng khác. Ngược lại, những người từ các buôn làng bị bệnh dịch cũng không được đến hay trở về làng bởi nếu như cứ cố tình qua lại giữa các buôn làng như vậy sẽ là nguồn lây bệnh.

Theo Luật tục của người M’Nông: “Bon mình có bệnh lây truyền. Mình không được vào bon người khác. Nếu ta vào bon họ. Tức là truyền bệnh cho bon đó. Nếu bon họ có bệnh truyền nhiễm. Ta không được vào bon của họ. Nếu ta vào bon của họ. Tức là ta rước bệnh về làng mình. Mang bệnh về đầu độc bon làng. Mang dây mây từ ngoài rừng xa. Kéo khắp bon làng,... Làm cho bon làng bị gai đâm. Đổ nước tro làm cho giường mục. Đổ nước muối làm cho giường mục” (29). Khiến cho dân bon làng bị gai đâm, lấy nước tro, nước muối làm cho giường mục là những cảnh báo nghiêm khắc của cộng đồng về hành vi sai phạm dẫn đến dịch bệnh, chết chóc.

Để các bệnh truyền nhiễm không lây sang người khác, luật tục luôn lưu ý những người giữ trọng trách trong gia đình, nhất là các bậc cha mẹ phải trông coi, quản lý các thành viên thật chặt chẽ. Sự cẩn trọng đặc biệt luôn hướng đến những người mắc bệnh, những người do “thần đã quở, trời đã phạt, làm cho đau đớn thân xác”. Để bảo vệ môi trường sống, an toàn cho cả cộng đồng, đồng bào thường đặt ra chế độ kiêng cử

(rào làng) với hàng loạt những chỉ dấu, cảnh báo: “Cây ngang dọc cắm trước nhà rông. Que ngang dọc cắm trước nhà sàn. Dấu làng đã đánh trước cổng. Dấu cấm kỵ đã đặt trước hiên. Làng đã kiêng, nhà đã cũ. Chân người lạ không được vào. Bước người quen không được đến” (30). Ngược lại, khi đến một buôn làng, thấy người ta đã đặt dấu cũ, thì lập tức phải tuân thủ nghiêm ngặt. Bởi nếu không tuân thủ, làng họ có chuyện không hay xảy ra thì người vi phạm sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Luật tục Bahnar răn dạy: “Vì bước chân đã đến, lời đã liễu. Nên làng họ mới bị đau. Nên làng họ mới bị ốm. Chân đau, lòng phiền. Việc nhỏ bằng gà thì đền gà. Việc lớn bằng lợn thì phải đền lợn. Việc nhỏ ché nhỏ, việc lớn ché lớn. Việc chết người đền bằng trâu, bằng voi. Mọi việc cần phải biết, phải rõ. Việc nhỏ to phải học cho thành” (31). Những người có trách nhiệm luôn phải nhắc nhở các thành viên gia đình, răn dạy lũ trẻ trong buôn làng hiểu và tuân thủ theo những quy định ấy. Nếu không thực hiện đúng, thì cha mẹ, thậm chí cả người đứng đầu buôn sẽ bị cộng đồng đưa ra xét xử, mỗi hạn thù giữa các buôn làng cũng sẽ diễn ra.

Trong số các bệnh truyền nhiễm, người ta thường đặc biệt kỳ thị với những người bị bệnh phong. Giải pháp được cộng đồng đặt ra là, những người có quan hệ thân thích, ruột thịt với họ phải làm cho họ một túp lều ở trong rừng, một cái lẫm (cột dựng gạo), cung cấp thực phẩm, nước uống và những vật dụng cần thiết để người bị bệnh có thể duy trì cuộc sống: “Cha mẹ họ, gia đình họ phải làm cho họ một cái lán trong rừng, một cái lẫm trong bụi, và cấm họ không được trở về làng, cấm họ không được đi vào các chòi rẫy, cấm họ không được uống nước, không được tắm ở đầu nguồn, vì sợ rằng tất cả dân làng, không trừ một ai sẽ trúng bệnh” (32).

Biện pháp hạn chế, nghiêm cấm giao lưu, tiếp xúc: Người Êđê đề ra quy định và xác định rõ ràng rằng: khi tín hiệu cũ đã cấm, cây chắn đường đã trồng thì không cho người lạ vào làng để làng được bình yên và nếu ai đó từ bên ngoài vẫn cố tình xâm nhập vào buôn làng thì sẽ bị cương quyết ngăn chặn: “Khắp mọi nẻo đường vào làng đã chằng dây, treo chèo, chông đã cấm, nhánh cây đã trồng, kẻ nào bất chấp cũ cứ dò vào thì tóm cho được người hấn, chặn chân hấn lại, tịch thu hết đồ đạc của hấn cho đến hết cũ, là cũ đặt bẫy sập, cũ đặt mang cung hay cũ ăn trâu, ăn bò ba ngày đêm. Chờ đến khi cây cấm đã bỏ, các nhánh cây trồng đã nhỏ, đường sá được thông lại, lúc đó mới trả lại các đồ đạc cho hấn ta” (33).

Tuy nhiên, nếu biết buôn làng đã đặt cũ mà cứ liều lĩnh xông vào thì đó là những kẻ “không biết đâu là phải, đâu là trái, thì hấn phải nộp vạ. Nếu là một cũ nhỏ thì nộp vạ ít, nếu là một cũ lớn thì phải nộp vạ lớn”. Bởi lẽ “Nếu ông trời và các thần linh lại nổi giận, gây ra bệnh hoạn, chết chóc thì hấn phải chịu trách nhiệm”. Và nếu như vậy, “Người ta phải giết bao nhiêu lợn bao nhiêu gà để cúng thì hấn phải đền bấy nhiêu lợn, bấy nhiêu gà. Có bao nhiêu ché rượu đã phải lấy ra để cúng, thì hấn phải đền lại đủ bấy nhiêu” (34). Theo luật tục của đồng bào Êđê, nếu ai đó cố tình thâm nhập vào buôn làng mà trong làng xảy ra việc người ốm không khỏi bệnh, cú nằm ly bì trên chiếu, trong chăn thì kẻ vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm. Nếu người đó chết thì hấn phải trả giá bằng mạng sống. Nếu có người bị thương tật thì kẻ phá bỏ luật tục phải chịu phạt một khoản bồi thường. Khoản bồi thường đó là do buôn làng định ra và người vi phạm nhất thiết phải chấp hành hình phạt.

Khi dịch bệnh xảy ra “làng làng phải lo giữ thân, phải đặt các dấu cấm đường, ngăn trên mọi nẻo đường dẫn vào làng”. Phải cấm người bị dịch di chuyển và người từ vùng dịch đi vào làng mình. Những người cao tuổi, có trách nhiệm trong mỗi gia đình và buôn làng phải lo dạy cho con, cho cháu hiểu rõ nguyên tắc đó. Phải thường xuyên răn dạy con trẻ rằng, người làng nào phải ở riêng làng ấy để tránh lây nhiễm dịch bệnh. Nếu gây ra dịch bệnh thì: “Trước mắt phải có vịt tẩy. Trước mắt phải có chó tẩy. Trước mắt phải có lợn cúng. Trước mắt phải có ché cúng. Ngọn chuối khô nó sẽ chịu sau. Ngọn mía khô nó sẽ chịu sau” (35). Tức là, trước hết người vi phạm phải chịu lễ cúng (tùy theo lớn, nhỏ), sau đó mới là trừng phạt về những hậu quả kinh tế, xã hội mà kẻ cố ý truyền bệnh gây ra với cộng đồng.

Luật tục của người Jrai nghiêm cấm các thành viên trong buôn làng cố tình đi đến những làng có dịch bệnh để rồi trở về truyền bệnh cho dân làng. Như cách hiểu của đồng bào, đó là những người đem lửa về làng mình, những người đó không được trở về làng nữa. Mà nếu vẫn cố ý trở về làng, gieo rắc nên dịch bệnh thì sẽ bị dân làng xét xử. Nhiều năm sống với cộng đồng người Jorai (Gia Rai) ở vùng Choreo (Ayun Pa, bên sông Ba tỉnh Gia Lai), Nhà nhân học Jacques Dournes cho rằng, nếu phát hiện thấy trong buôn làng có nhiều người bị bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thì *Potao* sẽ dùng quyền lực của mình “lệnh cho dân làng phải phân tán trong rừng để hạn chế lây lan” (36).

Như đã trình bày ở trên, người Tây Nguyên xưa luôn sợ hãi bệnh phong. Theo Luật tục Jrai: “Trong làng người ta có bệnh phong. Biết làng đó có bệnh phong. Tại sao ông đi?. Ông cố tình thổi lửa vào nhà mình. Ông đừng có về làng chúng tôi nữa. Ông nói là làng này có bệnh cùi, bệnh phong,

bệnh liệt. Không biết đâu. Ông ở một mình thôi. Vì thế, ông sẽ bị xét xử” (37). Như vậy, có thể hiểu, nếu một người từ làng đang bị bệnh hiểm nghèo trở về, dù chưa biết người đó có bị nhiễm bệnh hay không, nhưng để bảo vệ cho cộng đồng, thì người đó không được trở về làng. Trong trường hợp đó, anh ta phải chịu hình phạt kén túc vừa phải tự cách ly trong rừng vừa bị làng đưa ra xét xử. Điều chắc chắn là, người đó phải ở trong chòi hay túp lều dựng trong rừng cho đến khi không còn nguy cơ lây bệnh. Nhưng, nếu như người đó bị lây bệnh phong thì sẽ bị dân làng cách ly đến hết đời. Bị loại ra khỏi cộng đồng là hình phạt nặng nề nhất mà một thành viên trong buôn làng phải gánh chịu.

Biện pháp tăng cường giáo dục, khẳng định trách nhiệm cộng đồng: Luật tục luôn nhấn mạnh đến tinh thần trách nhiệm với cộng đồng từ cả hai phía: dân làng và cả tù trưởng, già làng. Quan điểm trung tâm là, phải chủ động, tích cực trong phòng tránh dịch và không thể vì tình trạng thiếu trách nhiệm mà những người vô tội phải chết. Tình cảm, trách nhiệm với cộng đồng là rất gần bó, sâu nặng. Luật tục M'Nông khẳng định: “Bon làng có tội gì đâu. Nếu có tội từ xưa phải nói. Nếu cha mẹ có tội phải nói. Sống với nhau miếng thịt chia nhau. Một con chim nhỏ cũng ăn với nhau. Khi vui buồn ta cùng có nhau. Sao bây giờ lại gây thù oán... Hay là có chuyện gì không đẹp lòng nhau. Nếu bon làng làm sai nó phải chỉ cho. Nếu làm rầy sai nó phải chỉ cho. Nếu mà không có việc gì. Người chết nó phải chịu đền. Bon làng chết nó phải chịu đền” (38).

Cùng với việc nhấn mạnh đến tinh thần trách nhiệm, Luật tục Êđê cũng có quy định trừng phạt những kẻ không quan tâm, chăm sóc chu đáo người bị bệnh, ốm yếu: “Người bệnh khát nước, họ không đem

nước đến cho uống. Người bệnh đói cơm, họ không nấu cơm đem đến cho ăn. Họ không lo cái ăn, cái uống cho người bệnh. Nếu chính họ là cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, là người trông nom dân làng mà kẻ ngu, người điếc trong làng họ không lo dạy bảo, họ không gần gũi dân làng, thăm hỏi nhòm ngó dân làng dù là chỉ trong một đêm hay một ngày. Họ trốn biệt, giữ im hơi lặng tiếng, chỉ mong sao phần họ được yên thân. Tất cả những người đó, khi có người đau, họ không trông nom; khi có người ốm, họ không chăm sóc, thậm chí có ai đó trong làng đi qua, họ cũng không hỏi với lấy một câu về người bệnh. Như vậy, bọn họ đều là có tội, có chuyện phải đưa ra xét xử giữa người đầu làng và họ” (39). Trong tâm thức cộng đồng, đó là tội vô cảm trước những nỗi đau nhân thế. Những con người đó đã tự mình không nghe cùng một tai, không nói cùng một miệng, không còn một lòng, một dạ với dân buôn làng nữa. Những con người vô cảm, thiếu trách nhiệm đó cũng cần phải lên án, trừng phạt.

Với những người đứng đầu buôn làng, luật tục cũng có những quy định rõ: Khi người đầu làng phát hiện ra vụ việc thì ông ta không được bưng bít thông tin, giấu giếm sự thật: “Ông ta không muốn đốt cho đến nứt ra, không muốn trình bày cho thật sáng tỏ. Ông ta không tìm đến báo cho (cấp trên) biết. Ông ta nói không thẳng, làm không ngay. Không tìm đến cấp trên kể cho biết. Như vậy là ông ta có tội, có chuyện phải đưa ra xét xử giữa cấp trên với ông ta” (40). Luật tục cũng nhận thấy rằng, có không ít người đứng đầu buôn làng, đã lợi dụng vị trí được cộng đồng ủy thác để gây hại cho dân. Đó là những “mẹ chồn”, “cha cọt” bởi những hành vi phi nhân tính: “Nếu có ai đó có sai lầm thì ông ta cắn xé, nếu có ai đó té ngã thì ông ta ăn thịt, chân

tay họ ông ta cột lại, bẻ gãy. (Vì ông ta mà) lợn nuôi không đến được tuổi thiện, trâu nuôi không có được trâu mộng, rượu trong ché *tuk*, ché *êbah* mà không được uống. Cây xà dọc lớn ông ta làm gãy đập, cây xà ngang lớn ông ta làm đổ chơi, còn người nghèo khổ thì ông bày chuyện để phạt vạ. Ông ta là người mẹ bảo ban con sai, là người cha nuôi dạy con không tốt, cho nên bao nhiêu vòng xuyên, bát đĩa có trong gùi quý đều không còn nữa. Ông ta là mẹ nhưng là mẹ chồn, là cha nhưng là cha cọp, nuôi con đó mà cũng cắn con đó,... Một người đầu làng như vậy là có tội” (41).

Biện pháp chống phát ngôn, tuyên truyền sai sự thật: Khi trong bon làng có dịch bệnh, cùng với việc cáo giác những người gây nên bệnh truyền nhiễm, luật tục của nhiều tộc người cũng chống lại tình trạng đặt điều, vu khống cho rằng ai đó là những người truyền bệnh, hoặc nói không đúng sự thật, quá lên so với sự thật, khiến cho dân làng tin đó là sự thật và lại biến những người không may bị dịch bệnh (nạn nhân) thành đối tượng của sự oán trách, chỉ trích (42). Nếu làm như vậy sẽ dẫn đến tình trạng làm rạn vỡ các mối liên kết xã hội, hao người, tốn của, làm tổn thương danh dự của người khác trước cộng đồng. Như một lời thề nguyện, cảnh báo nghiêm khắc, Luật tục M'Nông cho rằng, những người vu cáo, nói không đúng sự thật thì “Ngực của anh ta sẽ bị lòi ra. Tội mồm nói bậy. Tội lưỡi nói bậy. Há mồm nói bậy là có tội lớn” (43).

Luật tục Êđê cũng lên án việc những kẻ “răng dài” quen bịa chuyện, đưa chuyện, nói xấu, vu cáo người nọ, người kia trong buôn làng bị mắc dịch. Theo luật tục, nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó, thường bắt nguồn từ lòng đố kỵ, tính ganh ghét, muốn “so bì cây le với cây lồ ô” để vu

oan, giá họa cho người khác. Đó là những kẻ mà “người ta đang khỏe mạnh, hấn đem dây rừng choàng vào cổ”, gây nên cho người khác những chuyện không hay. “Hấn đi rêu rao những chuyện ngây ngô, ngổ ngẩn, bày đặt ra chuyện người này kẻ khác là có bệnh. Hấn phao lên rằng, bông gạo đã rỗng ruột, rằng cái cối giã gạo đã thủng tròn. Hấn muốn cho người ta tin rằng, trong làng đã có người lên sỏi, lên đậu. Hấn bồng dư bia ra những chuyện không đâu cho những người giàu có, sang trọng. Vì vậy, có chuyện phải đưa ra xét xử giữa người ta với hấn” (44).

Trong số các Luật tục của đồng bào Tây Nguyên, cũng có điều khoản mang tính răn đe những kẻ đe dọa, xâm hại thân thể người khác. Bởi nếu làm như vậy thì Giàng bắt tội, bệnh truyền nhiễm sẽ đến ngay với kẻ chủ tâm dùng bạo lực với người khác. Theo Luật tục Raglai: “Hăm he đe dọa đến da thịt người ta. Cũng phải đúng mới được. Bằng không thì Giàng đổ vạ vào chính mặt mình,... Chê người ta ghê lở thì ghê lở có tại mặt mình. Ghê sợ gớm ghiếc ghê lở thì vạ lây truyền cho mình” (45). Qua đó, có thể hiểu được nhận thức của đồng bào về mức độ nguy hiểm của một số bệnh truyền nhiễm (phong, đậu mùa,...) cũng như tác nhân tâm lý, xã hội lâu dài, nặng nề do dịch bệnh gây nên.

Biện pháp bảo vệ môi trường sống: Để phòng chống dịch bệnh, trước khi những đợt nắng nóng bắt đầu tràn đến, các già làng luôn yêu cầu cư dân trong buôn làng cùng nhau củng cố lại hệ thống hàng rào cho thật vững chắc. Theo Luật tục Êđê, bờ rào làng phải tăng cường, cổng làng phải củng cố; ở phía bên ngoài cổng làng, ở bìa rừng ven làng phải treo những hình tượng đầu trâu, đầu bò để trừ yểm và khuyến cáo người bên ngoài không được tự ý thâm nhập. Tiếp đó, già làng, các bậc “Cây đa

đầu suối, cây sung đầu làng” phải đi từng nhà để nhắc nhở “không sót một ai” về việc hạn chế giao tiếp, tránh tập trung đông người “ăn đông, uống vui”. Năm có mùa, tháng có dịp, khi mùa nắng nóng đến tất cả đều phải chú ý giữ chừng mực trong sinh hoạt và đều phải vào cữ để “cầu cho mọi nhà được tốt lành, làng được bình yên, cháu con được yên ổn” (46).

Việc giữ gìn môi trường sống trong và xung quanh buôn làng là yêu cầu thường xuyên, quan trọng. Trong các yêu cầu đó, để bảo đảm an ninh cho cả cộng đồng, bảo vệ dòng nước đầu nguồn có ý nghĩa thiết yếu, bởi theo Luật tục Bahnar: “Đầu nguồn là nơi thần ngụ. Đầu nguồn là chốn ở của tổ tiên. Rác đầu nguồn ta phải dọn. Cỏ dại đầu sông ta phải nhổ. Đừng chặt cây đầu thác. Đừng đốn cây đầu suối. Kéo suối khô, sông cạn, đàn cá tuyệt nòi. Đừng phát rẫy, dựng chòi nơi đầu nguồn. Kéo thần linh giận, tổ tông thức giấc. Trẻ nhỏ phải biết, người già phải hay. Điều chưa biết phải học, việc chưa biết phải hỏi. Trẻ con quên, người lớn nhắc. Con trai làm sai, con gái làm trái. Cha mẹ phải bảo, già làng phải răn. Kẻ làm trái phải bị xử phạt” (47).

Luật tục Raglai nghiêm cấm việc dựng nhà nơi đầu nguồn nước, nơi có mạch nước nguồn, mạch nước phun. Cấm đi vệ sinh nơi đầu nguồn, xả chất thải xuống sông, suối bởi làm như vậy sẽ khiến mọi người bị nhiễm bệnh và điều đó trở nên đặc biệt nguy hiểm nếu như những người thiếu ý thức đó đang bị các bệnh truyền nhiễm như bệnh tả, kiết lỵ, đậu mùa. Với nhiều trải nghiệm, Luật tục Raglai còn cấm dân làng không được lấy nước đồng thời ở hai bên bờ sông, suối; không được đưa ma qua làng, qua các nguồn nước. Theo luận giải của đồng bào: “Nếu uống nước bên này, bên kia sông, suối với nhau là giành giật với ông

bà. Ông bà sẽ bắt con cháu, đầy tớ trong nhà phải bệnh đau chết chóc. Theo đó: “Dùng nước uống trên một con sông, một dòng suối, một hồ nước sạch,... Phải dùng một phía, nhà ở cũng một phía. Đi chôn người chết không được đưa qua sông, qua suối. Vượt qua nhà, vượt qua làng, qua rẫy, qua nương. Vợ con, đàn bà sinh đẻ và tất cả trẻ con. Không được tắm giặt nước suối, nước sông. Mà phải tắm giặt nơi máng nước dẫn về nhà” (48).

Cũng như nhiều tộc người Tây Nguyên, đồng bào Raglai thường dựng nhà trên sườn đồi, các ngôi nhà cách biệt nhau, nhà kho cũng tách biệt với nhà ở. Việc dựng nhà ở bên sông, suối, quy định phải bắc máng nước dẫn về nhà và những quy ước xã hội khác luôn được mọi gia đình tuân thủ. “Lòng tin vào sự linh thiêng của thế giới thần linh khiến không ai dám vi phạm, không ai muốn cộng đồng lên án, không ai muốn sẽ gặp *dluth* (nguy khốn), *sanēq* (tai họa) thậm chí phải chết nếu bị Giàng phạt nặng” (49).

Như một quy ước xã hội nghiêm cần, đồng thời là một giá trị văn hóa chung, mỗi buôn làng thường có một số bến nước. Đồng bào Tây Nguyên hiểu rõ giá trị linh thiêng của nguồn nước với cuộc sống con người, sinh hoạt xã hội, sản xuất và luôn có quy định cụ thể về bến nước dùng để ăn uống, bến nước dùng cho sinh hoạt và những bến “đa chức năng”, vị trí lấy nước, thời điểm được sử dụng nguồn nước (50). Người đang bị bệnh truyền nhiễm không được ra sông, suối, bến nước tắm rửa, sinh hoạt và càng không được tắm nơi đầu nguồn. Cũng cần phải nói thêm là, theo truyền thống của nhiều tộc người Tây Nguyên, nếu biết ở buôn làng bên trâu bò đang bị bệnh thì nhất thiết không để trâu bò làng mình đi lẫn vào trâu bò làng khác hay cùng ăn chung một bãi chăn thả, dằm chung trên

một khúc sông, dòng suối... Nếu ai vi phạm: “Như con lợn, con trâu bị hiến sinh, hấn sẽ bị xử vì chuyện hấn gây ra” (51).

Biện pháp chấn an tâm lý, phòng chống, cứu chữa bệnh nhân: Theo Jacques Dournes, năm 1919 vua Lửa (*Potao pui*) có thể dùng quyền uy để cầu mưa cho hết nắng hạn, cầu hết dịch bệnh cho người và gia súc. Ông ta còn chế ra những lá bùa chống lại dịch cúm làm chết rất nhiều người. Tất cả các gia đình người Jorai (Jrai, Gia-rai) cho đến vùng Radé (Êđê) đều treo những lá bùa của Potao pui (52). Nhiều tộc người Tây Nguyên tin rằng, có những luồng khí (gió) độc sinh ra bệnh tật vì thế đồng bào thường đeo những viên đá quý, răng, xương động vật, một số chế phẩm từ thực vật,... như những phương tiện để giải trừ tà ma, khí độc. Theo kinh nghiệm của đồng bào Tây Nguyên, hễ năm nào thời tiết cực đoan, có nhật thực và nguyệt thực thì thường có hạn hán, dịch bệnh. Dịch bệnh, nhất là đậu mùa được coi là có liên quan đến quyền lực của Potao. Những người có quyền uy, chức sắc trong buôn làng thường có bài cúng, cầu khẩn các thần linh khi dịch bệnh xảy ra như bệnh đậu mùa, dịch tả ác tính. Hạn hán kéo dài và các bệnh tả, đậu mùa là những mối nguy hiểm lớn nhất, liên quan đến sự tồn vong của cả cộng đồng. Khi dịch bệnh diễn ra, việc cúng tế gắn với nghi lễ hiến sinh là điều hết sức cần thiết. Tùy theo thực tế mà người ta có thể cúng ba con heo và ba con trâu hay bảy con heo và bảy con trâu. Với giá trị biểu tượng của con số 3 và số 7, người ta tin rằng thần linh sẽ chứng giám, sẽ đem mưa đến và diệt trừ dịch bệnh.

Cùng với cầu cúng, thực hiện nghi lễ hiến sinh, người Tây Nguyên cũng có nhiều bài thuốc, cách chữa bệnh truyền thống. Các bài thuốc cổ truyền luôn đem lại niềm

tin, sức mạnh tinh thần cho người bệnh. Hiệu quả của nhiều bài thuốc vẫn thấm sâu trong tiềm thức của nhiều tộc người. Tuy có nguồn gốc khác nhau nhưng phần lớn các bài thuốc được chế từ thảo mộc, người ta có thể dán, xoa, xông, uống hay đeo trong người. Trong mỗi cộng đồng, thường có những người thông thái (tù trưởng, già làng, thầy lang, thầy cúng,...) hiểu biết nhiều bài thuốc truyền thống và người ta thường chữa bệnh bằng thuốc kết hợp với các liệu pháp tâm lý, ma thuật. Đồng bào luôn hiểu rằng, khi dịch bệnh hoành hành nó có thể tàn sát rất nhanh cả buôn làng nếu không được cách ly, chữa trị kịp thời. Mặc dù “Nói chung, người Tây Nguyên có thể chất vững chắc, một khí chất lành mạnh, một dòng máu khỏe: một vết thương được rửa sạch hầu như không bao giờ nhiễm trùng” (53). Nhưng, khi dịch bệnh diễn ra nó vẫn có thể cướp đi nhiều người khỏe mạnh, những tay cuốc, tay chà gạc giỏi giang nhất.

Với người Tây Nguyên truyền thống, nguyên nhân dẫn đến dịch bệnh thường là do thần linh quả phạt hay là vì những hiện tượng “lệch chuẩn” trong cộng đồng. Người nào đó đã vi phạm các quy ước, phong tục, giá trị linh thiêng vì thế phải bị trừng phạt. Đồng bào luôn tin rằng, không thể chữa khỏi được một bệnh nặng nếu không thực hiện nghi lễ hiến tế (gia cầm, heo, dê, trâu,...) và số ché rượu dâng cúng tương ứng với mức độ của bệnh tật (54). Nhiều năm sống cùng các tộc người Tây Nguyên, học giả J.Dournes cho rằng: “Người Tây Nguyên thà không dùng thuốc còn hơn là không làm các nghi lễ tôn giáo. Khi đã hiến tế, gia đình người bệnh yên trí rằng người bệnh sẽ lành. Nếu một người bị bệnh nặng được tiêm một mũi thuốc và cùng lúc có cúng thần một con dê, thì đương nhiên việc

lành bệnh không phải là do mũi thuốc” (55). Đồng bào có niềm tin mãnh liệt về thế giới thần linh. Với họ, vạn vật đều có linh hồn và thần linh luôn dõi theo, chúng giám mọi hành động của con người. Như vậy, “Đặt trong bối cảnh văn hóa nơi bệnh tật được tin là do lực lượng siêu nhiên gây ra hơn là xuất phát từ các bệnh lý có tính chất lâm sàng, hình thức chữa trị bằng việc kết hợp giữa yếu tố tâm linh và tri thức tộc người về được liệu trong môi trường tự nhiên nơi họ sinh sống đưa lại hiệu quả tốt nhất” (56).

Cùng với việc tế lễ, người Tây Nguyên cũng có cả một hệ tri thức y học cổ truyền để chữa bệnh, tăng cường sức khỏe, phục vụ yêu cầu lao động sản xuất, săn bắn và để phòng chống dịch bệnh. Theo khảo cứu của J.Dournes, đồng bào thường dùng củ cây *Bosir* (*Orchidacée*) để chữa các vết thương nhiễm trùng. Củ cây này tán thành bột và được coi là “Xuyn-pha-mít” của Tây Nguyên. Củ cây *Chorangdao* giúp an thần, chữa khí thũng, thấp khớp. Lá cây *Mbu* (*Eugenia sp-Myrtacée*) chữa bệnh sùi da. *Sonom kop rang*, loại lá dày của một thứ cây mọc nước chữa các vết mủ của bệnh đậu mùa. Lá cây *Bola* (*Globa Schomburgkii* - *Zingibéracée*) dán lên các vết thương có tác dụng cầm máu và lên sẹo. Lá cây *Kop mang* (*Clerodendron sp.*) bôi lên, chữa các mụn nhọt. Cây *Bang-a* ăn sống hay nấu chín giữa sốt rét. Cây *Lohyao* chống co thắt, chữa cơn đau bụng. Cây *Opkam* dùng để xông chữa ghẻ, mụn nhọt, nhiễm trùng có nguồn gốc hoa liễu. Cây *Bolong* chữa đau mắt (57)...

Người Tây Nguyên cũng có các thuốc phòng ngừa: *Jirngaê* một loại cây dài và lá rộng, là loại thuốc ngừa trong trường hợp có dịch. Nhiều trẻ em thường cho loại lá này trong những túi nhỏ đeo quanh cổ. *Sonom dek rang* là một viên đá nhỏ thần

diệu (*dek*) người ta luôn mang nó trong người khi có dịch đậu mùa. Nhiều người Tây Nguyên tin rằng, sở dĩ người ta bị bệnh là do những vật nhỏ nguy hiểm (như những con vi trùng: *bodruh*) gây ra. Vậy, muốn khỏi bệnh phải trục bằng được những con *bodruh* đẩy ra khỏi cơ thể. Bệnh kiết lỵ được bà thầy cúng chữa lành bằng cách bắt con vi trùng ra khỏi người bệnh. Họ thường dùng liệu pháp hút, thổi, trích máu; dùng lửa, nước, muối, gừng kết hợp với dán hay xoa thuốc để chữa bệnh. Một số thầy lang, thầy cúng cao tay có thể chữa bệnh từ xa. Họ có thể dùng lời cầu khẩn để chữa khỏi bệnh xuất huyết (?) (58)... Người Tây Nguyên cũng có quan niệm về đất tốt, đất xấu (có thể do bị nhiễm xạ). Nếu một gia đình làm nhà, làm chòi, làm rẫy trên một mảnh đất xấu thì người đó rất dễ bị bệnh thấp khớp hay bệnh phong. Trong trường hợp đó, người ta thường phải cuộc hết chỗ đất xấu đó dời thật xa thậm chí phải hủy chòi, di chuyển nhà, dời bỏ buôn làng, nương rẫy.

Nhiều tộc người, như người Raglai, cấm săn bắn và mang thịt các loài khỉ, dộc, vượn, khỉ đột, chuột, ếch nhái về làng làm thịt ăn. Nếu làm như vậy thì sẽ gặp tai họa, bắp lúa sẽ cháy khô, ghê lở sẽ xảy ra, bệnh phong độc hại sẽ nhiễm đến con người. Cùng với một số loài linh trưởng (vượn, khỉ,...) được coi là vật tổ, gắn với *totem* giáo hoặc là những loài vật có công với một tộc người hay dòng họ. Trên phương diện y học hiện đại, một số loài động vật luôn là vật mang rirus gây bệnh. Chắc chắn, chuột là loài động vật thường chứa mầm bệnh dịch hạch; ếch, nhái thường có sán, nếu chế biến thành món ăn sẽ gây hại cho con người (59).

4. Nhận xét

Mặc dù các luật tục nhìn chung chỉ trình bày khái quát nhưng qua những mô

tả có thể thấy người Tây Nguyên xưa đã phân biệt khá rõ tình trạng bệnh lý của các bệnh truyền nhiễm, nguyên nhân và mức độ nguy hiểm của nhiều loại dịch bệnh. Khảo cứu các tài liệu y khoa hiện đại chúng ta thấy, những mô tả trong luật tục (nhất là luật tục Êđê, M'nông, Bahnar) là khá chính xác về dấu hiệu lâm sàng, những tác nhân trực tiếp, lâu dài đối với người bệnh cũng như cộng đồng. Dịch bệnh và những bệnh truyền nhiễm như: tả, đậu mùa, dịch hạch, phong,... đã bào mòn sức khỏe, tâm lý của người bệnh cùng năng lực sản xuất, sinh lực phát triển của xã hội. Qua nghiên cứu chúng ta cũng thấy, luật tục của nhiều tộc người đã *xác định rõ tội danh* trong phòng chống dịch bệnh: tội bị/ phát hiện thấy bệnh truyền nhiễm mà không khai báo; tội cố ý làm lây truyền dịch bệnh; tội làm ô nhiễm nguồn nước; tội xâm phạm vào làng đã đặt cũ; tội thiếu trách nhiệm với những người bị bệnh, ốm đau... Người vi phạm (và trong một số trường hợp là cả gia đình anh ta) phải gánh chịu sự trừng phạt của cộng đồng. Hình thức trừng phạt bằng nhiều cách, với nhiều mức độ mà mức độ cao nhất là phải trả giá bằng sinh mạng.

Khi nhận thấy nguy cơ dịch bệnh hay dịch bệnh mới diễn ra, người Tây Nguyên thường đồng thời áp dụng nhiều biện pháp. Nghiên cứu tổng hợp các bộ Luật tục ta thấy nổi lên 7 biện pháp cơ bản mà đồng bào đã sử dụng trong phòng chống dịch. Theo Luật tục, tất cả các thành viên trong cộng đồng đều phải tuân thủ và người ta cũng hiểu rằng, những hành vi cố ý sai phạm đều phải chịu sự phán quyết của "Tòa án phong tục" (60). Nghiên cứu kỹ nội dung các bộ Luật tục chúng ta cũng thấy, *các biện pháp phòng chống dịch là khá toàn diện nhưng nghiêng về phòng dịch là*

chính. Kinh nghiệm, tri thức quản lý xã hội đã giúp cho nhiều tộc người có thể đối diện và vượt qua thách thức khắc nghiệt để duy tồn cuộc sống, giữ được sự bình yên. Các biện pháp chống dịch trong luật tục *thể hiện rõ tư duy, trình độ tổ chức xã hội, năng lực quản lý* của các tộc người Tây Nguyên, những chủ nhân của một không gian văn hóa lớn, với nhiều thành tựu rực rỡ (61). Các biện pháp như: trình báo kịp thời, phản ánh đúng tình hình dịch bệnh với những người có trách nhiệm để tìm giải pháp phòng chống, ngăn chặn; biện pháp giãn cách, cách ly giữa người với người, giữa cộng đồng làng này với cộng đồng làng khác để tránh lây lan dịch bệnh; biện pháp hạn chế, nghiêm cấm giao lưu, tiếp xúc giữa buôn làng có dịch và "buôn làng xanh", chưa/ không mắc dịch; biện pháp tăng cường giáo dục trách nhiệm cộng đồng, nhất là trách nhiệm của già làng, trưởng thôn trong phòng chống dịch, bảo vệ môi trường; và, biện pháp chống phát ngôn, tuyên truyền sai sự thật, gây bất an xã hội,... tất cả đều kịp thời, cần thiết. Một số biện pháp chống dịch bệnh tuy có phần hà khắc nhưng đó cũng là yêu cầu thiết yếu, điều khoản mang tính răn đe nhằm bảo đảm sự nghiêm minh của tập quán pháp và trên hết là sự trường sinh cho toàn thể cộng đồng.

Trong lịch sử, đồng bào chưa có điều kiện để kiểm tra, xét nghiệm, đánh giá thật chính xác từng loại dịch bệnh, từng chủng loại virus gây bệnh và cũng chưa có thuốc chữa (thuốc Tây đặc trị) cho một số loại dịch bệnh. Nhưng bằng kinh nghiệm thực tế, *nhiều tộc người đã có thể nhận biết, phân biệt một số loại dịch bệnh và chủ động sử dụng các tri thức (bài thuốc) y học cổ truyền để chữa bệnh*. Khi phát hiện thấy người thân mắc bệnh (như bệnh đậu mùa),

người ta thường cho tắm nước lá chua, lá đắng để chữa bệnh. Nhiều tộc người Tây Nguyên cũng có kinh nghiệm trong việc dùng các liệu pháp sát khuẩn, giảm sốt, giảm đau,... Người ta cũng vừa dùng liệu pháp tăng cường sức khỏe cho người bệnh, trấn an tâm lý, vừa thực hiện chế độ kiêng kỵ để bệnh nhân sớm bình phục. Đó là các bài thuốc dân gian, thể hiện tri thức địa phương trong phòng chống dịch, có thể đem lại những công hiệu (*efficacy*) mà logic khoa học thường khi khó có thể giải thích toàn diện. *Các nguồn được liệu quý, bài thuốc hay, có hiệu quả cao trong chữa bệnh nên được nghiên cứu, tiếp thu, sử dụng kết hợp với các biện pháp phòng chống dịch của y học hiện đại.*

Về nguyên nhân dẫn đến dịch bệnh, theo quan niệm của đồng bào, dịch bệnh là do thần linh quở trách, trừng phạt nên phải tổ chức tế lễ thần linh kết hợp với cách cứu chữa mang tính ma thuật (kết hợp với dùng thuốc Nam) để người nhà mau khỏi bệnh, cộng đồng sớm trở lại sự bình yên. Trong nhiều trường hợp, không nên hiểu đó chỉ là những tập tục, hành vi “mê tín, dị đoan” (62). Thực tế, những hành vi tín ngưỡng đó mang ý nghĩa linh thiêng và nên coi đó là những liệu pháp tâm lý nhằm trấn an những người bị bệnh nặng đang phải đối diện với lẽ sinh tử. Trong xã hội Tây Nguyên truyền thống, có thể hiểu nghi thức tôn giáo, tín ngưỡng “Vừa là một truyền thống xa xưa, tôn giáo thần linh vừa là một hiện tượng gia đình; nó vừa có tính chất chính trị vừa có tính cách gia đình. Là cơ sở và đơn vị thực thể nhất của xã hội Tây Nguyên, gia đình cũng là trung tâm của đời sống tôn giáo” (63). Bên cạnh đó, luật tục cũng luôn chú trọng đến những tác nhân tự nhiên, chỉ rõ căn nguyên dẫn đến dịch bệnh là do những biến đổi của tự

nhiên, đặc biệt là những năm thời tiết cực đoan. Các bộ luật tục đều chú ý đặc biệt đến việc bảo vệ rừng nguyên sinh, đầu nguồn; sự trong sạch của nguồn cung cấp nước; môi trường, điều kiện sinh hoạt của các tộc người quen sống trong các không gian núi rừng, trong các nhà rông, nhà dài,... với nhiều thế hệ (64). Cùng với tác nhân con người, môi trường sống bị ô nhiễm ẩn chứa nhiều nguy cơ bùng phát dịch bệnh. Các bộ luật tục cũng cho thấy, *gia đình chính là nền tảng vững chắc nhất để giáo dục, phòng chống, chữa trị bệnh dịch.* Trong khi đó, *buôn làng là cấp quản lý, “pháo đài” căn bản, đảm đương các chức năng: phát hiện dịch bệnh, đề xuất chính sách, thực thi các biện pháp phòng chống dịch, xử lý vi phạm, bảo đảm an ninh sức khỏe cộng đồng và chăm lo các vấn đề an sinh xã hội.*

Luật tục không chỉ là di sản văn hóa tộc người mà còn là kho tàng tri thức phong phú về văn hóa truyền thống, quản lý cộng đồng. Những quy ước trong luật tục hình thành từ yêu cầu thực tiễn, từ trình độ, nhận thức xã hội của mỗi tộc người ở một thời kỳ lịch sử nhất định. Đến nay, tuy một số điều trong các bộ luật tục không còn phù hợp nữa, nhưng cũng có *nhiều kinh nghiệm, tri thức, cách thức phòng chống dịch bệnh của người xưa chúng ta cần nghiêm túc học hỏi, phát huy.* Vượt lên những quy ước cụ thể, Luật tục luôn hướng đến những mục tiêu lâu dài, nhân văn, rộng lớn. Các tập quán pháp không chỉ tập trung bảo vệ sức khỏe của buôn làng mình mà còn coi trọng việc bảo đảm môi trường tự nhiên, điều kiện sống, an sinh cho các cộng đồng xã hội khác. Luật tục luôn khẳng định, *việc phòng chống dịch bệnh là trách nhiệm của tất cả mọi thành viên trong buôn làng, nhất là những người đứng*

đầu, giữ cương vị quản lý. Việc nghiên cứu, khai thác những yếu tố tích cực, nguyên tắc thâm sâu của luật tục, tranh thủ uy tín của các vị già làng, gắn với việc tuân thủ các chỉ thị, quy định của các cấp chính quyền, và cùng với đó là sự kết hợp giữa sử dụng tri thức, kinh nghiệm y học cổ truyền với

các biện pháp y tế, công nghệ hiện đại,... là phương cách hữu hiệu để tuyên truyền, giáo dục; đánh giá mức độ, phân cấp quản lý, phòng chống Sars-cov-2 (Covid-19) và các dịch bệnh khác ở Trường Sơn - Tây Nguyên cùng nhiều vùng miền của đất nước hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1). Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và nhiều chuyên gia y tế hàng đầu coi các bệnh như: dịch hạch, dịch tả, đậu mùa, lao phổi, phong, HIV-AIDS, Sars,... là các bệnh truyền nhiễm tạo nên nhiều trận đại dịch cực kỳ nguy hiểm, có sức tàn phá lớn, mang tính toàn cầu.

(2). Bệnh dịch hạch (*plague*), do vi khuẩn có tên gọi là *Yersinia pestis* gây ra, từng là nguyên nhân dẫn đến nhiều trận dịch lớn ở châu Âu. Nhiều thành thị ở châu Âu, do điều kiện kinh tế, y tế khó khăn, mức độ tập trung dân số cao, môi trường sống chật hẹp, ô nhiễm,... đã là căn nguyên tạo nên dịch bệnh. Trong những năm 1348-1349, bệnh dịch hạch đã khiến một phần ba dân số châu Âu, tức khoảng 25 triệu người thiệt mạng. Dịch bệnh cũng khiến cho tuổi thọ trung bình ở nước Pháp và châu Âu thế kỷ XVIII chỉ khoảng 30. Ở Paris, đến sau những năm 1870 mỗi năm vẫn có trung bình khoảng 20.000 người chết. Thời gian đó, cứ khoảng 30.000 đứa trẻ sinh ra thì có tới 7.000-8.000 đứa trẻ bị vứt bỏ, trong đó có nhiều trẻ là con của những người di cư. Trong lịch sử, bệnh dịch hạch cũng từng cướp đi sinh mạng của cư dân nhiều nước châu Á nhất là ở các quốc gia đông dân như Trung Quốc, Ấn Độ. Xem Genevière D'haucourt: *Đời sống thời trung cổ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2002, tr.120. Fernand Braudel: *Những cấu trúc sinh hoạt thường ngày*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998, tr.414-415.

(3). Trong các bộ chính sử như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Nam thực lục*,... có khá nhiều thông tin về dịch bệnh và cách phòng chống. Về cách phòng chống dịch bệnh thời Nguyễn có thể xem Phan Thanh Hải: *Bài học về ứng phó trước thiên*

tai, dịch bệnh của hoàng đế Minh Mạng, Tạp chí *Thế giới Di sản*, số 9 (180), 2021, tr.44-45.

(4). Bùi Minh Đức: *Lịch sử nhìn lại dưới góc độ y khoa*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, 2012.

(5). Ngô Đức Thịnh (Cb.): *Luật tục Êđê (Tập quán pháp)*, Nxb. Văn hóa Dân tộc (Ngô Đức Thịnh - Chu Thái Sơn sưu tầm, bổ sung, Nguyễn Hữu Thấu dịch), Hà Nội, 2001, tr.211.

(6). Ông Đu, ông Đê là những vị thần linh thiêng, tối cao trong tâm thức của đồng bào Êđê. Xem hệ thống thần linh của người Êđê trong Viện Dân tộc học: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014, tr.433-434.

(7). Cây *kcik* là loại cây thân một, gỗ rất cứng. Cây *kpang* cũng là loại cây thân một, có tán lá rộng. Các tộc người Tây Nguyên có những cách gọi khác nhau về làng: Người Bahnar là *plei*, Êđê gọi là *buôn*, Jrai là *plơi*, M'Nông là *bon*, Raglai là *paley*. Để thuận tiện cho dẫn giải, phân tích tổng thể, chúng tôi xin gọi chung các đơn vị cư trú đó là buôn làng.

(8), (9), (12), (20), (21), (22). Ngô Đức Thịnh (Cb.): *Luật tục Êđê (Tập quán pháp)*, sdd, tr.202, 205, 203, 202, 203-204, 205.

(10). Bệnh đậu mùa (*smallpox*) do *virus variola* gây ra có tỷ lệ tử vong cao. Mặc dù y học thế giới đã chế được *vaccine* từ năm 1796 nhưng đến năm 1967 một trận dịch lớn vẫn diễn ra khiến 2 triệu người thiệt mạng. Bệnh thủy đậu do *virus varicella* gây ra, được coi là bệnh ít nguy hiểm hơn đậu mùa nhưng nếu bị biến chứng nặng có thể gây viêm não, viêm cầu thận, suy thận. Phụ nữ mang thai bị bệnh thủy đậu rất nguy hiểm cho thai nhi, có thể dẫn đến tình trạng sảy thai hoặc dị tật cho

thai nhi. Bệnh bại liệt biến chứng nặng có thể dẫn đến liệt chi, thậm chí tử vong. Bệnh bạch hầu do khuẩn *corynebacterim dipthera* gây ra. Bệnh nhân thường bị tổn thương ở hầu, họng khiến suy hô hấp, tuần hoàn, liệt khẩu, hôn mê và tử vong. Từ thế kỷ V TCN nhà y học nổi tiếng phương Tây là Hippocrates đã mô tả về căn bệnh này.

(11). Bệnh tả (*cholera*) do ly trực khuẩn *vibrio cholerae* gây ra tình trạng nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, dẫn đến tiêu chảy, mất nước và người bị nặng có thể tử vong. Trong vòng 200 năm qua, thế giới đã bị 7 trận dịch lớn. Bệnh tả lần đầu tiên xuất hiện trên diện rộng được ghi nhận ở Việt Nam năm 1850 với khoảng 2 triệu người bị nhiễm bệnh. Từ năm 1910-1938, trung bình hàng năm có từ 5.000-30.000 người bị nhiễm bệnh. Bệnh phong (cùi, hủi) hay còn gọi là bệnh *Hansen* (mang tên nhà khoa học người Na Uy) tìm ra vi khuẩn gây bệnh có tên là *mycobactericum leprae*. Bệnh gây thương tổn ở da, các dây thần kinh ngoại biên, bề mặt niêm mạc đường hô hấp và hệ thống thị giác. Bệnh lây qua đường hô hấp và những vi khuẩn trên da, vết thương của bệnh nhân, gây nên tình trạng tàn tật vĩnh viễn, mù lòa, suy thận và có thể dẫn đến tử vong. Bệnh phong lan truyền nhiều ở các quốc gia nhiệt đới và cận nhiệt. Hiện nay, y học đã có một số loại thuốc đặc trị như Dapsone (DDS), Clofazimine (B633), Rifampicin (RFD) hay Ofloxacin. Nếu được phát hiện sớm, căn bệnh này hoàn toàn có thể chữa khỏi.

(13). Buôn Krông Tuyết Nhung: *Luật tục Bahnar*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2019, tr.773-774.

(14). Qua trao đổi với giảng viên Y Thao Êban, Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên và các vị cao tuổi, nhiều kinh nghiệm như các bác Y Tum và H Drik Êban ở buôn Cuôr Dăng, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk, thì các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, gây tử vong nhiều nhất là: bệnh tả, bệnh dịch hạch và đậu mùa. Nhưng những người bị bệnh phong là bị kỳ thị nhiều nhất vì căn bệnh gây ra sự biến dạng cơ thể. Nhân đây, xin được cảm ơn thầy Y Thao Êban và gia đình; PGS.TS Nguyễn Trường Giang, Phó Trưởng Khoa Nhân học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG HN đã trao đổi, cung cấp cho chúng tôi những thông tin, tri thức hữu ích về dịch bệnh và cách phòng chống dịch bệnh của người Êđê và một số tộc người ở Tây Nguyên.

(15), (16), (18). Phan Đăng Nhật - Vũ Ngọc Bình (Đồng Cb.): *Luật tục Jrai (Luật tục Jrai vùng Cheoreo, Pleiku)*, (Ksor Krôn - Tô Đông Hải - Rơ Mah Del - Võ Quang Trọng tham gia), Sở Văn hóa Thông tin Gia Lai xuất bản, Pleiku, 1999, tr.149, 149, 150.

(17). Theo Jacques Dournes ở vùng Srê, để khẳng định sự trung thực của mình, một người bị kết tội thường thề nguyện: “*Mặt trời sẽ thiêu chết tôi nếu tôi nói dối... bệnh phong sẽ ăn hết cả người tôi*”. Những lời thề nguyện đó cũng có thể nhầm vào một người khác: “*Bệnh phong sẽ ăn hết người mày*”. Jacques Dournes: *Potao - Một lý thuyết về quyền lực ở người Jorai Đông Dương*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2013, tr.303.

(19). Ngô Đức Thịnh (Cb.): *Luật tục Mnông (Tập quán pháp)*, (Ngô Đức Thịnh - Điểu Kâu - Trần Tấn Vinh sưu tầm, Điểu Kâu dịch) Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.606.

(23). Là một cộng đồng dân tộc có nhiều mối liên hệ mật thiết với cư dân vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, người Chăm xưa cũng có nhận thức sâu, nghiêm túc về tác hại của các loại dịch bệnh. Theo Luật tục Chăm: “Một người có bệnh, lây cả làng. Người nào mắc bệnh phải báo cáo. Giấu bệnh lây như giấu ma quỷ. Giấu tôi tố người ta, người ta chửi. Giấu giếm người bệnh làm cho tàn tật cả làng. Dân làng khỏe mạnh, phát triển. Xóm làng yên ổn làm ăn. Nó mang bệnh hoạn đến cho làng xã. Nó giết dân làng bằng bệnh lây lan. Dân làng có tội gì. Ăn ở với nhau như bát nước đầy. Tại sao bây giờ làm như vậy. Nếu có người chết do bệnh lây. Xét xử tội bắt phạt. Họ hàng nó cũng mang tội lây”. Sử Văn Ngọc - Sử Thị Gia Trang: *Luật tục trong xã hội Chăm*, Nxb. Thanh niên, Tp. Hồ Chí Minh, 2012, tr.63.

(24), (25), (26). Buôn Krông Tuyết Nhung: *Luật tục Bahnar*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2019, tr.760, 725, 61.

(27), (33), (34), (39), (40), (41), (44), (46), (51), (60). Ngô Đức Thịnh (Cb.): *Luật tục Êđê (Tập quán pháp)*, sdd, tr.205, 220, 221, 181, 181, 185, 208, 219, 213, 47.

(28), (29), (35), (38), (43). Ngô Đức Thịnh (Cb.): *Luật tục Mnông (Tập quán pháp)*, sdd, tr.260, 606, 608, 222-223, 262.

(30), (31), (47). Buôn Kroong Tuyết Nhung: *Luật tục Bahnar*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2019, sdd, tr.759-760, 761, 656-657.

(32). Ngô Đức Thịnh (Cb.): *Luật tục Êđê (Tập quán pháp)*, sdd, tr.206. Theo các bác Y Tum và H Drik Êban ở buôn Cuôr Dăng, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk và nhà Nhân học Nguyễn Trường Giang, với người Êđê, các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như: bệnh tả, bệnh dịch hạch, đậu mùa,... người ta vẫn giữ bệnh nhân trong gia đình, buôn làng để cúng (*Riu yang*) và chữa trị theo các bài thuốc dân gian. Chỉ có bệnh nhân bị phong (*phung*) là bị cách ly ra khỏi buôn, họ sống một mình ở chòi trong rừng sâu, được gia đình cung cấp thực phẩm. Do không được chữa trị, đời sống trong rừng thiếu thốn khiến người bị bệnh yếu dần rồi qua đời. Gia đình người cách ly mang củi vào rừng hỏa thiêu người quá cố. Người chết ở đâu thì hỏa thiêu ở đó, không được mang tro cốt về chôn tại nghĩa trang của buôn làng vì đó là “cái chết xấu”, phạm điều cấm kỵ.

(36), (52), (53), (55), (58), (63). Jacques Dournes: *Potao - Một lý thuyết về quyền lực ở người Jorai Đông Dương*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2013, tr.388, 82, 130, 181, 131-138, 264.

(37). Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian - Sở Văn hóa Thông tin Gia Lai: *Luật tục Jrai (Luật tục Jrai vùng Chư Păh)*, sdd, tr.280.

(42). Luật tục của đồng bào Chăm cũng nghiêm cấm tội nói sai, vu khống người bị bệnh truyền nhiễm: “Vu khống cho người là có tội. Nguyên rủa người ta, xét xử bắt phạt tội. Vu khống cho người ta có bệnh dịch. Bảo người bị bệnh lây làm cho dân làng tin. Dân làng đổ tội oan cho người ta. Xem như bị dính phân vào người. Mình sẽ gặp nặng chấy da, dây quấn vào người. Do miệng mình hại mình. Do môi mình làm hại mình. Suy nghĩ rồi mới nói. Vụng dại lời nói tội với người”. Sử Văn Ngọc - Sử Thị Gia Trang: *Luật tục trong xã hội Chăm*, sdd, tr.63-64.

(45), (48), (49). Phan Đăng Nhật - Nguyễn Thế Sang: *Luật tục Chăm và Luật tục Raglai*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2012, tr.453, 707, 707.

(50). Nguyễn Văn Kim: *Luận về nước, sông và bến nước*, trong *Huyền thoại về một vùng đất - Không gian văn hóa Tây Nguyên qua sử thi Êđê*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2021, tr.43-70.

(54). Nguyễn Văn Kim: *Chế và tâm thức chế (Nghiên cứu trường hợp sử thi Dăm Săn)*. Tạp chí *Văn hóa học*, số 4 (38), tr.45-59 & số 5 (39), 2018, tr.47-60.

(56). Hoàng Cẩm - Nguyễn Trường Giang: *Đa dạng văn hóa - Bài học từ những câu chuyện*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014, tr.40.

(57). Ở buôn Cuôr Dăng, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk trước đây đồng bào Êđê thường dùng củ nghệ vàng (*knit triêl*) cho bệnh nhân bị bệnh tả nhai. Tùy theo cơ địa của mỗi người, nếu mới bị nhiễm bệnh thì ăn nghệ (kháng khuẩn) cũng có thể khỏi bệnh. Nhưng, nếu bị bệnh nặng thì nghệ vàng không có tác dụng. Với người bị dịch hạch, có nhiều hạch sưng ở cổ (*kuê*), dưới mang tai, hai bên nách, ở đùi... người ta chỉ có thể dùng vôi (*cur*) ăn trầu bôi để đỡ sưng, giảm đau nhưng không chữa được bệnh. Với bệnh đậu mùa, nghệ vàng được dùng để bôi, tắm khắp cơ thể. Nếu mới bị bệnh, kiêng ăn các đồ cá mặn, cay, chua thì có thể khỏi bệnh. Nhưng nếu không ăn kiêng, bệnh trở nặng, mụn phát nhiều ở mắt gây mù lòa, đau bụng dữ dội và sẽ tử vong.

(59). Theo TS. Nguyễn Kim Vân, trước đây thức ăn chính của Potao Apui là cơm và các loại rau quả. Để giữ cho mình trong sạch, ông không bao giờ ăn ếch, nhái, chuột, thịt bò, nội tạng của tất cả các loại động vật nuôi trong nhà. Nguyễn Thị Kim Vân: *Tín ngưỡng & Tôn giáo dân tộc Bahnar, Jrai*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2013, tr.99 & 88-93.

(61). Năm 2005, Không gian văn hóa công nghệ Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là *Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại*. Trong không gian đó còn có *Không gian văn hóa sử thi*, xứng đáng là Di sản văn hóa tiêu biểu của Việt Nam, châu Á và thế giới. Nguyễn Văn Kim: *Huyền thoại về một vùng đất - Không gian văn hóa Tây Nguyên qua sử thi Êđê*, sdd, tr.9 & 15-16.

(62). Lưu Hùng: *Tập tục chữa bệnh bằng ma thuật ở người Cotu*, trong *Góp phần tìm hiểu Trường Sơn - Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014, tr.633-664. Người Ta-ôi ở huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế cũng có nhiều cách, bài thuốc hay chữa bệnh. Xem Nguyễn Trường Giang: *Giữ cũ, thêm mới làm tài sản cho con cháu*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016, tr.193-198.

(64). Henri Maitre: *Rừng người Thượng - Vùng rừng núi cao nguyên miền Trung Việt Nam* (Lưu Đình Tân dịch, Nguyễn Ngọc hiệu đính), Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008, tr.110-126 & 136-156.